

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 24- 5 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BỈM SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Tổng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thoa

Ông Đỗ Đức Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 41/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1991

Nơi ĐKNKTT: Xóm S, phường Đ, thị xã B, tỉnh T

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T (có mặt)

- Bị đơn: Anh Dương Văn T - sinh năm 1989

Trú tại: Xóm Sơn Tây, phường Đ, thị xã B, tỉnh T (vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2024 nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Sơn, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hoá năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận với nhau được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không có tiếng nói chung và tới giờ vợ chồng không còn cảm thông, yêu thương nhau nữa nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, mệt mỏi không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người nấy sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân tám năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay thực sự vợ chồng không còn tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ nên chị làm

đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Dương Tuấn K (nam) sinh ngày 15/11/2012. Nếu ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu K đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (ba triệu đồng).

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về phía bị đơn: Tại bản tự khai ngày 22/4/2024 anh Dương Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Sơn năm 2012. Quá trình chung sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân không hợp nhau, hay cãi nhau, không ai nhường nhịn ai. Thời gian anh đi xuất khẩu lao động tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Nay nếu chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Dương Tuấn K (nam) sinh ngày 15/11/2012. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cháu K đến tuổi thành niên.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2024 ông Nguyễn Văn H trưởng khu phố S cho biết: Chị Vũ Thị T sinh năm 1991 và anh Dương Văn T sinh năm 1989 là vợ chồng. Sau khi kết hôn chị T, anh T có cư trú tại khu phố S, thị xã B, tỉnh T một thời gian. Sau đó, anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Từ lúc anh T đi nước ngoài chị T cũng đưa con là cháu Dương Tuấn K sinh năm 2012 đến nhà ngoại ở phường Bắc Sơn sinh sống. Thời gian chung sống cùng nhau tại khu phố S, chị T và anh T không có mâu thuẫn gì, cách đây khoảng gần 1 tháng anh T đã về nước, ở tại khu phố S, Tuy nhiên không thấy chị T về sống chung với anh T. Nay chị T làm đơn xin ly hôn với anh T đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 02/5/2024 Tòa án đã tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số:42/TB-TA ngày 22/4/2024. Chị T có mặt, anh T có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh. Vì vậy, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt, anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, chị vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T và chị có nguyện vọng xin được nuôi cháu K. Về cấp dưỡng chị đề nghị anh T cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng, anh T đồng ý, về tài sản vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật.

Đề nghị áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84/ Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

- Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Dương Văn T.

+ Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Dương Tuấn K (nam) sinh ngày 15/11/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh T cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên miễn xét.

* Về án phí DSST: Đề nghị buộc chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, anh T nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào ý kiến phát biểu của đương sự và Kiểm sát viên tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Xét về quan hệ pháp luật: Chị Vũ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh Dương Văn T. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”; Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại phường Đông Sơn, thị xã Bím Sơn, vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bím Sơn theo quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;

[2] Về yêu cầu của đương sự HĐXX thấy:

- Về hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Sơn, thị xã Bím Sơn đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung và tới nay vợ chồng không còn yêu thương nhau nữa. Nay chị cương quyết xin ly hôn anh T, anh T xét thấy vợ chồng không còn tình cảm nên cũng đồng ý ly hôn. HĐXX xét thấy vợ chồng anh chị đã ly thân tám năm nay, chị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ (tại phường Bắc Sơn) ở, anh T đi xuất khẩu lao động đã lâu, hai vợ chồng ở xa nhau không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và anh T, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

- Về con cái: Vợ chồng có 1 con chung, cháu tên là Dương Tuấn K (nam) sinh ngày 15/11/2012. Chị T xin được nuôi dưỡng cháu K và đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ, anh T đồng ý giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu K 3.000.000đ/tháng. HĐXX xét thấy, từ

ngày anh T đi xuất khẩu lao động cháu K đi cùng mẹ về ông bà ngoại sinh sống và nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ, anh T đồng ý giao cháu K cho chị Thu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, anh T cấp dưỡng nuôi cháu K 3.000.000đ/ tháng. Vì vậy, cần giao cháu K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động, anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ là phù hợp.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Dương Văn T nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bởi những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ:* Khoản 1 Điều 28, Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và 280 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 / Luật hôn nhân gia đình;

- Điều 6, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 và danh mục mức án phí lệ phí ban hành kèm theo;

* *Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị T

- Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Dương Văn T

- Về con cái: Giao con chung của vợ chồng là cháu Dương Tuấn K (nam) sinh ngày 15/11/2012 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu K đến tuổi thành niên và có khả năng lao động. Anh Dương Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/5/2024).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung của vợ chồng: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí DSST: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Bim Sơn theo biên lai thu số: 0004521 ngày 17/4/2024. Như vậy, chị Vũ Thị T đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Dương Văn T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Vũ Thị T, vắng mặt anh Dương Văn T. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

(24/5/2024), anh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Tòa án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Bim sơn;
 - Đường sự;
 - UBND phường Đông Sơn
- (ĐK ngày 04/01/2012);
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
 - THA Dân sự thị xã Bim Sơn;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÓNG THỊ HÀ